

Số: 67/BC-UBND

Hoàng Thái, ngày 23 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2021 của xã Hoàng Thái, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã

Hoàng Thái là xã đồng bằng nằm ở vùng Đông Nam của huyện Hoàng Hóa, cách trung tâm huyện 3,0 km về phía Bắc. Phía Tây có tuyến đường tỉnh lộ 510 chạy qua theo hướng Bút - Quảng; phía Nam có tuyến đường Thịnh - Đông với chiều dài qua địa giới hành chính xã 1,8 km; có đường Đạo - Thành kết nối với mạng lưới giao thông của xã về phía Đông. Có tổng diện tích đất tự nhiên là 284,95 ha, trong đó: Diện tích đất nông nghiệp là 185,94 ha, Diện tích đất phi nông nghiệp là 90,98 ha; có 1.056 hộ, với 4.293 khẩu.

2. Thuận lợi.

- Với vị trí là xã có hệ thống giao thông cơ bản thuận lợi, hạ tầng đồng bộ, dễ giao thương với các xã trên địa bàn huyện và thành phố Thanh Hóa. Có cụm công nghiệp Thăng Thái và Nhà máy TCE đặt trên địa bàn là những điều kiện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Hệ thống chính trị ổn định vững chắc từ xã đến các thôn, đội ngũ cán bộ có năng lực được đào tạo cơ bản, có uy tín đối với nhân dân;

- Sau khi đạt chuẩn xã nông thôn mới, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Hoàng Thái không ngừng nỗ lực, phấn đấu để duy trì và ngày càng nâng cao hơn nữa chất lượng các tiêu chí NTM. Cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư, nâng cấp gắn với phát triển đô thị theo Nghị quyết 14-NQ/HU của Huyện ủy, cơ bản đáp ứng được nhu cầu sản xuất, kinh doanh của người dân; cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch tích cực; trên địa bàn xã đã có mô hình sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, mang lại giá trị kinh tế cao, giúp người dân nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững.

- Năm 2021 xã được giao nhiệm vụ xây dựng NTM nâng cao của huyện. Đây là cơ sở quan trọng để Đảng bộ và nhân dân xã nhà đặt ra quyết tâm xây dựng xã Hoàng Thái đạt các tiêu chí xã NTM nâng cao, tạo nền tảng phấn đấu hoàn thành xã NTM kiểu mẫu trong thời gian gần nhất.

3. Khó khăn

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ, Đảng viên và nhân dân chưa đầy đủ về nội dung, ý nghĩa của xây dựng NTM nâng cao;

- Xây dựng xã NTM nâng cao với khối lượng công việc tương đối lớn, nhiều hạng mục như sửa chữa nâng cấp các tuyến đường giao thông, cần nguồn lực lớn để đầu tư mới hoàn thành, trong khi nguồn vốn của địa phương, hỗ trợ của cấp trên và huy động từ nhân dân còn hạn chế, gây không ít khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Việc quy hoạch quỹ đất để nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn theo hướng thảm nhựa gặp khó khăn do khối lượng GPMB lớn, trong khi đó tinh thần tự nguyện hiến đất để xây dựng các công trình phúc lợi của nhân dân đã có nhưng vẫn còn ít nên phần nào đã ảnh hưởng đến việc hoàn thành các nội dung, tiêu chí xã NTM theo quy định.

II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN:

- Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số 2540/QĐ-TTg, ngày 30/12/2016 về việc ban hành quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn Nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Căn cứ Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp;

- Căn cứ Quyết định 414/2017/QĐ-TTg ngày 4/4/2017 của thủ tướng chính phủ-Quyết định Ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp;

- Căn cứ Quyết định số 1415/2017/QĐ- UBND ngày 3/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành bộ tiêu chí xã NTM tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020;

- Căn cứ Quyết định số 25/2018/ QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2018 - 2020;

III. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

1. Công tác chỉ đạo, Điều hành

Căn cứ các quyết định, chỉ thị, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh và huyện. Trong 03 năm (2019 - 2021), Đảng uỷ xã Hoàng Thái đã ban hành Nghị quyết về mục tiêu, nhiệm vụ, trong đó có mục tiêu phấn đấu về đích xã nông thôn mới nâng cao;

Ban chỉ đạo chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới nâng cao xã được kiện toàn theo Quyết định số 10-QĐ/ĐU, ngày 26/8/2020 gồm có 24 thành viên, Ban chỉ đạo phân công các đồng chí thành viên phụ trách từng tiêu chí và các thôn; hàng tuần giao ban, đưa ra các giải pháp thực hiện kịp thời, hiệu quả.

Đảng ủy ban hành Nghị quyết số 04-NQ/ĐU ngày 12/8/2020 về việc lãnh đạo xây dựng xã Hoàng Thái trở thành xã Nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2020 – 2023;

Tiến hành khảo sát, điều tra về sản xuất, điều tra về vườn hộ, các tuyến đường giao thông, điều tra về vệ sinh môi trường. Đi vào cụ thể từng nhiệm vụ cụ thể về XD NTM nâng cao để đẩy nhanh hơn nữa tiến độ xây dựng nông thôn mới nâng cao.

2. Ban hành cơ chế, chính sách

Cùng với sự hỗ trợ của tỉnh, huyện, HDND xã đã ban hành nghị quyết về cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, nhằm đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành các tiêu chí NTM nâng cao, như: Xây dựng hai công viên mini tại thôn 2 và thôn 3; cải tạo nhà văn hóa khu thể thao thôn 2, thôn 5 đường giao thông từ ĐT.510 đến nhà văn hóa thôn 1 và đường giao thông từ UBND xã đi thôn 1, đường điện chiếu sáng, rãnh tiêu thoát nước khu dân cư hỗ trợ kích cầu 50%, xây dựng vườn mẫu hỗ trợ 15 triệu đồng/vườn,...

Cấp ủy, chính quyền tiếp tục đẩy mạnh công tuyên truyền, thực hiện tốt phong trào “chung sức xây dựng NTM, đô thị văn minh”; Tăng cường công tác thông tin, truyền thông để toàn dân hiểu và cùng chung tay xây dựng Nông thôn mới nâng cao thông qua các hội nghị: Hội nghị Đảng bộ, sinh hoạt chi bộ hàng tháng, Hội nghị nhân dân các thôn, sinh hoạt của các tổ chức hội, đoàn thể (*nông dân, phụ nữ, cựu chiến binh, đoàn thanh niên, hội người cao tuổi, ...*).

Tuyên-truyền qua hệ thống đài truyền thanh xã, bằng các pano, áp phích, băng zôn, khẩu hiệu tuyên truyền về xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu trong đó chú trọng đến chỉnh trang cảnh quan sáng- xanh- sạch- đẹp; cải tạo vườn tạp, xây dựng vườn mẫu; trồng hoa, cây xanh hai bên đường, làm giàn hoa mẫu khu vực công cộng... Lấy ý kiến nhân dân trong việc huy động sức người, sức của, đóng góp để thực hiện chương trình, công khai minh bạch dân chủ theo quy định.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

Công tác đào tạo, tập huấn được xã quan tâm cử cán bộ tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do huyện và Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh tổ chức, qua đó, làm chuyển biến rõ nét trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây dựng NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu.

4. Phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

a) Phát triển sản xuất nông nghiệp.

Công tác phát triển sản xuất nông nghiệp được Đảng uỷ - UBND xã đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; theo đó, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chỉ đạo sản xuất thâm canh tăng năng suất cây trồng, nâng cao thu nhập cho người dân.

Quy hoạch vùng trồng rau an toàn theo hướng VietGap với diện tích 5 ha tại thôn 2; đưa các giống lúa lai có tiềm năng năng suất cao vào gieo trồng, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Thực hiện quy hoạch hệ thống giao thông, thuỷ lợi nội đồng và từng bước đưa cơ giới hoá đồng bộ vào phục vụ sản xuất.

b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn

UBND xã quy hoạch, dành quỹ đất nhằm thu hút và khuyến khích các doanh nghiệp thuê đất phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã. Trên địa bàn xã đã có 01 cụm công nghiệp Thái Thắng, 01 nhà máy nước sạch Đại Dương Xanh; 01 công ty giặt mài công nghiệp TCE JEANS đóng trên địa bàn xã thu hút lao động của địa phương và các xã lân cận; nhiều cơ sở kinh doanh cá thể và các tổ xây dựng giải quyết việc làm và thu nhập ổn định cho hàng trăm lao động của địa phương.

c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

Nhờ tập trung phát triển sản xuất, góp phần làm tăng thu nhập, giảm nghèo cho người dân trên địa bàn. Năm 2018, thu nhập bình quân đầu người đạt 42,6 triệu đồng/người/năm; năm 2021 đạt 56,8 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo còn 1,17%.

5. Về phát triển văn hóa - y tế - giáo dục và bảo vệ môi trường

- Xã đã triển khai thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, đô thị văn minh” gắn với phong trào thi đua “Chung sức xây dựng NTM”; hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trên địa bàn ngày càng thu hút được nhiều người dân tham gia. Hiện nay tất cả 5/5 thôn sau khi sáp nhập đều được công nhận thôn văn hóa 3 năm liên tục chiếm tỷ lệ 100%; danh hiệu gia đình văn hóa đạt trên 90%; trung tâm văn hóa thể thao xã, thôn đạt chuẩn theo quy định.

- Công tác phát triển giáo dục, y tế được chú trọng; xã Hoàng Thái đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập THCS mức độ 3, đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2.

Triển khai thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh (trên người, cây trồng và vật nuôi); tình hình dịch bệnh khi xảy ra được khoanh vùng, kiểm soát kịp thời; các hoạt động an toàn thực phẩm được xã quản lý đảm bảo theo quy định; tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 95,64%.

- Công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn toàn xã luôn luôn được chú trọng, các thôn đều có câu lạc bộ bảo vệ môi trường để giữ gìn vệ sinh chung, quy định

lịch tổng vệ sinh đường làng, ngõ xóm ít nhất 01 tuần/lần vào chủ nhật hàng tuần; phát động chỉnh trang cảnh quan nông thôn sáng- xanh- sạch- đẹp.

Các thôn có hương ước về giữ gìn vệ sinh môi trường chung được quy định thời gian tổng vệ sinh vào sáng chủ nhật hàng tuần; mỗi hộ gia đình đều có thùng đựng rác thải, rác thải được thu gom thường xuyên và chuyển ra khỏi địa bàn xã bình quân 3-4 ngày/lần.

6. Về giữ vững Quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội ở nông thôn.

Công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững. Tỷ lệ khu dân cư được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” trên địa bàn xã là 5/5 thôn và 3 cơ quan trường học được công nhận tiêu chuẩn về an ninh trật tự.

7. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới nâng cao

Tổng kinh phí đã thực hiện: 226.418 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương, tỉnh: 4.100 triệu đồng, chiếm 15,52%.

- Ngân sách huyện: 1.500 triệu đồng, chiếm 0,67 %;

- Ngân sách xã: 72.800 triệu đồng, chiếm 32,15 %;

- Vốn vay tín dụng (nếu có):

- Con em xa quê: 518,0 triệu đồng, chiếm 0,23 %;

- Nguồn đầu tư từ nhân dân: 147.500 triệu đồng, chiếm 51,43%

+ Nhân dân đóng góp XD các công trình phúc lợi (tiền mặt, ngày công, vật liệu): 5.025 triệu đồng.

+ Nguồn đầu tư của nhân dân chỉnh trang nhà cửa, cải tạo vườn tạp: 142.475 triệu đồng.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NTM NÂNG CAO

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định là 15/15 tiêu chí, đạt 100 %, cụ thể:

1. Tiêu chí số 1: Giao thông.

a) Yêu cầu tiêu chí:

(1) Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện chiều rộng nền đường tối thiểu 6,5m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 4,5m được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Đạt 100%.

(2) Đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Đạt 100%, trong đó: Cứng hóa từ 50% trở lên đối với xã thuộc Vùng 1, cứng hóa từ 80% trở lên đối với xã thuộc Vùng 2.

(3) Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa, chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m (trường hợp bất khả kháng nền đường tối thiểu 3,0m, mặt đường tối thiểu 2,0m); Với đường dân sinh chủ yếu phục vụ đi lại của người dân giữa các cụm dân cư và các hộ gia đình không có ô-tô chạy nền đường tối thiểu 2,0m, mặt đường tối thiểu 1,5m: Đạt

100%, trong đó: Cứng hóa từ 50% trở lên đối với xã thuộc Vùng 1, cứng hóa từ 80% trở lên đối với xã thuộc Vùng 2.

(4) Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m: Đạt 100%, trong đó: Cứng hóa từ 50% trở lên đối với xã thuộc Vùng 1, cứng hóa từ 70% trở lên đối với xã thuộc Vùng 2.

(5) Các đoạn đường trục xã và trục thôn trong khu dân cư có rãnh tiêu thoát nước mặt đường.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Xã đã tổ chức thực hiện xây dựng, mở rộng nền, mặt đường các tuyến đường, xây rãnh thoát nước mặt đường trên các tuyến đường giao thông bằng nguồn vốn của nhân dân đóng góp; hỗ trợ, kích cầu theo Nghị quyết của HĐND huyện, xã.

- Các nội dung đã thực hiện:

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện chiều rộng nền đường bình quân 7,0 m, chiều rộng mặt đường bình quân 4,5m trở lên được nhựa hóa 1,5/1,5 km đạt 100%.

- Đường trục thôn và đường liên thôn chiều rộng nền đường trung bình 4,0 m; chiều rộng mặt đường trung bình 3,0m được nhựa hóa hoặc bê tông hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: 4,81/4,81 km đạt 100%. Có rãnh tiêu thoát nước, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường ngõ xóm của xã đảm bảo sạch sẽ, không lầy lội vào mùa mưa, chiều rộng nền đường trung bình từ 3m đến 4m, chiều rộng mặt đường trung bình từ 2 - 3m. Đường ngõ xóm đã bê tông hóa được 5,65/6,14 km = 92,2%;

- Đường giao thông nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, chiều rộng nền đường trung bình 4m - 5m, chiều rộng mặt đường trung bình 3m - 4m, tỷ lệ đường được bê tông hóa 2,52/3,12 km = 80,8%.

- Tỷ lệ các đoạn đường trục xã và trục thôn trong khu dân cư có rãnh tiêu thoát nước mặt đường là 10,36/12,45 km = 83,20%.

c) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

2. Tiêu chí số 2: Thủy lợi.

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động không nhỏ hơn năm trước liền kề.

- Đối với kế hoạch phòng, chống thiên tai đảm bảo các nội dung: Bố trí kho vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai; Bản đồ vị trí kho vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai; lập phương án di dân đối với dân cư sống trong vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ, lụt, sạt lở đất...; quy định cụ thể về chuẩn bị điều kiện cần thiết đối với các hộ dân khi phải di dời.

- Quản lý và bảo vệ công trình phòng chống thiên tai: Không đổ rác lên mái đê, hành lang bảo vệ đê, bãi sông; không có vi phạm pháp luật về đê điều và PCLB theo quy định của Luật Đê điều và Luật PCTT.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Trên địa bàn xã không có công trình thủy lợi đầu mối nào do xã quản lý, chủ yếu các kênh tưới tự chảy từ nguồn nước cung cấp nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân trong xã chủ yếu được lấy từ hệ thống kênh N22, N26A, Phong Châu về theo hệ thống kênh nội đồng.

- Các nội dung đã thực hiện:

Từ năm 2019 đến nay, sau khi hoàn thành xã nông thôn mới, tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp và đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã được tưới, tiêu hàng năm cơ bản ổn định, cụ thể:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động duy trì cơ bản ổn định hàng năm là $T_{\text{tưới } 2021} = 100\% = T_{\text{tưới } 2020} = 100\% > T_{\text{tưới } 2019} = 99,35\% > T_{\text{tưới } 2018} = 82,0\%$.

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động duy trì tăng hàng năm là $T_{\text{tiêu } 2021} = (276,92/276,92) \times 100\% = 100\% = T_{\text{tiêu } 2019-2020}$.

- Tỷ lệ đất nuôi trồng thủy sản được cấp, thoát nước chủ động là $T_{k2021} = (6,79/6,79) \times 100\% = 100\% = T_{k2019-2020}$

- Đã sửa chữa, nâng cấp, kiên cố hóa 2,39 km kênh, hàng năm thực hiện nạo vét, duy tu bảo dưỡng kênh mương nội đồng để đảm bảo chủ động tưới tiêu.

- Hàng năm UBND xã đều có phương án phòng chống thiên tai & tìm kiếm cứu nạn; Phương án di dân; vật tư dự trữ hàng năm chuẩn bị đầy đủ theo chỉ tiêu của huyện giao, có kho vật tư dự trữ tại UBND xã.

c) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

3. Tiêu chí số 3: Cơ sở vật chất văn hóa.

a) Yêu cầu tiêu chí:

Đảm bảo theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đạt từ 80% trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Hội trường đa năng xã được quy hoạch và thực hiện theo đúng quy hoạch về việc quy hoạch xây dựng nông thôn mới, sử dụng tại công sở xã Hoàng Thái với sức chứa trên 250 chỗ ngồi. Sân khấu là 50 m^2 , có lối vào cánh gà hai bên, có đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị hoạt động thuận lợi cho việc tổ chức Hội nghị, hội thảo và các chương trình nghệ thuật, các cuộc thi, giao lưu văn hóa, văn nghệ cấp xã, cấp cụm.

Trang thiết bị tại Hội trường đa năng xã gồm: Quốc hiệu, quốc huy, phong màn, cờ sao, tượng Bác Hồ, bục nói chuyện, Máy chiếu, thiết bị âm thanh, ánh sáng, bàn ghế đảm bảo đủ cho trên 250 chỗ ngồi, 03 phòng làm việc gồm: Phòng phòng đọc - Thư viện, phòng Thông tin truyền thanh, phòng sinh hoạt CLB. Phòng Thông tin truyền thanh với hệ thống truyền thanh, máy tính sản xuất chương trình.

Các công trình phụ trợ như: Nhà để xe có diện tích đủ cho 150 xe máy, khu vệ sinh tự hoại nam, nữ, sân, cây cảnh, nhà kho... Hội trường đa năng theo quy định.

Hàng năm Hội trường Nhà Văn hóa xã tổ chức từ 25 - 30 hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết công tác chỉ đạo, điều hành của Cấp ủy, Chính quyền địa phương, 5 - 6 cuộc thi, giao lưu văn nghệ cấp xã (gồm Chương trình văn nghệ chào mừng: Mừng Đảng, Mừng Xuân, chào mừng kỷ niệm Ngày thành lập Đảng, Kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2 tháng 9...., 7-10 lớp chuyển giao khoa học công nghệ).

Sân vận động có diện tích 7.136 m², có sân bóng đá, có hàng rào bao quanh, có sân khấu để tổ chức các hoạt động TDTT.

Xã có điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em, người cao tuổi và đảm bảo điều kiện, nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em theo quy định.

Xã có 5/5 thôn có nhà văn hóa được chỉnh trang hoặc xây mới. Với diện tích quy hoạch từ 300m² - 600m², quy mô xây dựng đảm bảo từ 100 - 200 chỗ ngồi, sân khấu rộng 25 - 30m². Đạt 100%; 5/5 Khu dân cư của xã có khu thể thao được quy hoạch và thực hiện theo đúng quy hoạch với diện tích từ 800m² trở lên chưa kể diện tích sân bóng đá. Dụng cụ TDTT được trang bị gồm: Bóng đá, lưới bóng chuyền, vợt cầu lông...

Trang thiết bị Nhà Văn hóa thôn và các công trình phụ trợ đầy đủ bảo theo quy định. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi đảm bảo điều kiện, nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em theo quy định. Được bố trí phù hợp thuận tiện cho việc vui chơi, luyện tập thể thao của nhân dân đặc biệt là người cao tuổi.

c) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

4. Tiêu chí số 4: Nhà ở dân cư.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng phải lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng tính tại thời điểm xã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn NTM.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Năm 2018: Thời điểm đạt chuẩn NTM, số nhà đạt chuẩn là 968 nhà;

Tỷ lệ: 899 nhà/1.056 nhà = 85,13%

- Tổng số nhà ở năm 2021 là 1.056 nhà; trong đó:

+ Nhà ở đạt chuẩn của Bộ xây dựng là 999 hộ.

+ Trên địa bàn xã không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát.

+ Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng là 999/1.056 hộ đạt 94,6 %.

c) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

5. Tiêu chí số 5: Thu nhập.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

-Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người): Năm 2019 đạt từ 41 triệu đồng trở lên đối với các xã thuộc Vùng 2; Năm 2020 đạt từ 46 triệu đồng trở lên đối với các xã thuộc Vùng 2;

- Tốc độ tăng Thu nhập bình quân đầu người hàng năm (*tính từ năm được công nhận xã đạt chuẩn NTM đến năm đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao*) từ 10% trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2018 (thời điểm đạt xã Nông thôn mới) là 42,6 triệu đồng/người/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2021 là 56,8 triệu đồng/người/năm.

- Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người hàng năm tăng 10%.

c) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

6. Tiêu chí số 6: Hộ nghèo.

a) Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đạt từ 5% trở xuống đối với các xã thuộc Vùng 1, từ 2,5% trở xuống đối với các xã thuộc Vùng 2.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trong quá trình thực hiện chương trình xây dựng NTM nâng cao, bằng nhiều các chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước, tỷ lệ hộ nghèo năm 2020 tính theo chuẩn nghèo đa chiều là 13 hộ chiếm 1,16% hộ; hộ nghèo đã trừ hộ nghèo là hộ bảo trợ xã hội (9 hộ): 04 hộ, tỷ lệ là 0,36%.

c) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

7. Tiêu chí số 7: Lao động có việc làm.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động. (Yêu cầu tiêu chí $\geq 94\%$).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Theo số liệu thống kê năm 2020 dân số trong độ tuổi lao động của xã là 2.134 người, trong đó: Dân số trong độ tuổi lao động có khả năng lao động là 2.134 người; số người có việc làm trong độ tuổi lao động là 2.101 người. Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động là: 2.101/2.134 người, bằng 98,45%.

c) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

8. Tiêu chí số 8: Tổ chức sản xuất.

a) Yêu cầu tiêu chí:

-Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 và có hiệu quả.

-Xã có mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch... của địa phương.

- Tỷ lệ diện tích cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất đối với các cây trồng chủ lực: Đạt từ 55% trở lên đối với các xã thuộc Vùng 1, đạt từ 75% trở lên đối với các xã thuộc Vùng 2.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

HTXKD DV Nông nghiệp Hoàng Thái được thành lập năm 2017, HTX có trụ sở tại thôn 2, Xã Hoàng Thái, có tổng số 36 thành viên; vốn điều lệ 100.000.000 đồng. Các loại dịch vụ của HTX: dịch vụ thủy lợi, dịch vụ bảo vệ đồng điền, hoa màu, kênh mương; dịch vụ cung ứng giống, phân bón, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ bao tiêu sản phẩm nông nghiệp.

Hợp tác xã KD DVNN Hoàng Thái hiện đang đặt tại vị trí đất thuê và có nhà làm việc tại vị trí thửa đất số 159 tại tờ bản đồ số 16, diện tích 200,0 m² để làm trụ sở hoạt động. Để hợp tác xã Hợp tác xã hoạt động tốt và hiệu quả hơn nữa, UBND xã đã quy hoạch quỹ đất để HTX sử dụng làm trụ sở giao dịch đúng mục đích sử dụng.

*** Tình hình liên kết tiêu thụ sản phẩm chủ lực gắn với phát triển dịch vụ của địa phương:**

Tổng diện tích gieo trồng trên địa bàn xã là 166,0 ha, chủ yếu: Cây lúa, cây ngô, cây lạc, cây rau màu....

Xác định cây lúa là cây trồng chủ lực, mang lại hiệu quả kinh tế cao trên đơn vị diện tích. Năng suất trung bình của cây lúa tại địa phương đạt 60 tạ/ha cho thu nhập từ 39 triệu đồng/ha/năm. Từ năm 2019, HTX NN Hoàng Thái đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Giống cây trồng Việt Thành để cung ứng phân bón và bao tiêu toàn bộ sản phẩm lúa lai Thái xuyên trên địa bàn xã: tổng diện tích liên kết sản xuất 35 ha/166 ha (ở vụ xuân) (chiếm 21,1% tổng diện tích trồng tập trung trên địa bàn xã), tổng sản lượng bao tiêu 227,5 tấn/845 tấn (chiếm 26,9% sản lượng thu hoạch).

*** Tỷ lệ diện tích cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất đối với các cây trồng chủ lực.**

- ~~Số lượng máy nông nghiệp trên địa bàn xã:~~ Toàn xã có 08 máy cày cỡ vừa, 03 máy gặt đập liên hợp, 08 máy nghiền thức ăn gia súc. Ngoài số lượng máy hiện có trên địa bàn, các vụ trong năm huy động thêm nhiều máy gặt ở các địa bàn lân cận đảm bảo thu hoạch nhanh gọn, hiệu quả.

- Tỷ lệ diện tích cơ giới hóa trong sản xuất đối với một số cây trồng chủ lực:

Tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp được áp dụng cơ giới trong khâu làm đất chiếm 100% diện tích, khâu gieo trồng 65,9%, khâu thu hoạch 86,5 %; khâu vận chuyển 100% trung bình các khâu đạt 88,1%. Ngoài ra, dịch vụ tưới tiêu theo hệ thống kênh mương tự chảy do Công ty TNHH MTV thủy lợi bắc Sông mã, vận hành.

- Tỷ lệ diện tích cơ giới hóa các khâu trong sản xuất đối với các cây trồng chủ lực của xã là cây lúa: khâu làm đất 100%, khâu gieo cấy 65,9%, khâu chăm sóc 100%; thu hoạch 100%;

c) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

9. Tiêu chí số 9: Vườn hộ.

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Có ít nhất 30% vườn hộ có hệ thống tưới, tiêu khoa học hoặc có áp dụng một trong các ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến khác vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến.

- Vườn hộ được quy hoạch khoa học, hiệu quả; sản phẩm hàng hóa đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Giá trị sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh chiếm tỷ lệ tối thiểu 75% tổng giá trị sản phẩm từ vườn.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Diện tích vườn hộ trên địa bàn xã là 8,71 ha; số hộ có diện tích vườn là 304 hộ/1.056 chiếm 28,79% tổng số hộ trên địa bàn xã, trong đó: Số hộ có diện tích vườn dưới 200m² là 78 hộ, số hộ có diện tích vườn dưới 300m²: là 97 hộ, số hộ có diện tích vườn dưới 400m² 71 hộ, số hộ có diện tích vườn dưới 500m² 47 hộ, số hộ có diện tích 500m² trở lên 11 hộ.

- Các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu được sản xuất tại vườn: các loại rau màu, cây ăn quả, gia cầm,... . Tổng giá trị sản phẩm vườn toàn xã đạt 5.425 triệu đồng (*chiếm trên 2,69% tổng thu nhập kinh tế hộ*). Giá trị thu được từ kinh tế vườn đạt từ: 22,31- 39,97 triệu đồng/500m²/ năm từ các sản phẩm chủ lực của địa phương như các loại cây ăn quả, các loại cây rau màu, gia vị; các sản phẩm từ chăn nuôi, từ ao cá. Tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp từ vườn hộ đối với các hộ có diện tích vườn từ 500 m² trở lên là 460,256 triệu đồng. Trong đó giá trị sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chiếm 79,5% thu nhập từ vườn. Thu nhập từ kinh tế vườn hộ của các hộ này chiếm 8,48% tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp từ vườn của toàn xã

- *Kết quả ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến*

Các vườn hộ trên địa bàn xã đã được đầu tư hệ thống tưới tiêu khoa học, tiết kiệm và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến vào sản xuất chủ yếu là: Sử dụng chế phẩm sinh học, sử dụng giống, vật tư, phân bón có nguồn gốc, đảm bảo chất lượng, nằm trong danh mục giống vật tư được sản xuất và sử dụng do Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định; cơ giới hóa khâu làm đất, thu hoạch. Cụ thể:

- *Vườn hộ được quy hoạch khoa học, hiệu quả, sản phẩm hàng hóa đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm:*

Vườn hộ có diện tích trên 500 m² được đo đạc, khảo sát và lập phương án định hướng chính trang, cụ thể hóa thành các sơ đồ mô tả, hình ảnh trực quan, thuyết minh quy hoạch để UBND xã phê duyệt và công bố công khai.

Ngoài ra, diện tích đất vườn nhỏ hơn 500 m² đã được UBND xã đã tuyên truyền, vận động các chủ vườn mạnh dạn chặt bỏ các cây trồng có giá trị kinh tế thấp, dọn sạch vườn tấp thay thế bằng các cây ăn quả, cây rau màu, cây hoa có giá trị kinh tế cao theo Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc ban hành Đề án cải tạo vườn hộ, xây dựng vườn mẫu trên địa bàn huyện Hoàng Hóa, giai đoạn 2021-2025. Đến nay cơ bản các

vườn trên địa bàn xã đã được bố trí các cây trồng hợp lý, khoa học.

Các sản phẩm hàng hóa sản xuất ra từ vườn hộ, sản phẩm chủ yếu là các loại thực phẩm, trái cây, gia cầm thịt và trứng, ... phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, trang trí của người dân nhất là vào các dịp lễ, tết. Vì vậy vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường luôn được đảm bảo. 100% các vườn hộ ký cam kết đảm bảo vệ sinh ATTP và được các ban ngành chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động. Chủ yếu sản phẩm từ vườn hộ trên địa bàn xã được tiêu thụ chủ yếu trên địa bàn xã và các xã lân cận.

c) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

10. Tiêu chí số 10: Giáo dục và Đào tạo.

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3 theo Quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ.

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo. (Yêu cầu tiêu chí $\geq 65\%$).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xã Hoàng Thái đạt chuẩn Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi; Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập THCS mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- Số lao động có việc làm là: 2.101 lao động, trong đó: số lao động có việc làm qua đào tạo là 1.536 lao động. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo là: $1.536/2.101$ lao động = 73,11%.

c) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

11. Tiêu chí số 11: Y tế.

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 91% trở lên.

- Triển khai thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh (trên người); tích cực triển khai các hoạt động giám sát, phát hiện, xử lý và báo cáo dịch kịp thời; không để dịch lớn xảy ra trên địa bàn xã.

- Triển khai hiệu quả các hoạt động an toàn thực phẩm; hàng năm trên địa bàn xã không xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm lớn, đông người (từ 30 người trở lên).

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) năm sau thấp hơn năm trước. 0,5% trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tỷ lệ người tham gia các hình thức bảo hiểm y tế là: $4.106/4.293=95,64\%$.

(đạt)

- Y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế năm 2012 và đến năm 2018 tiếp tục được công nhận chuẩn quốc gia giai đoạn 2.

- Trạm y tế xã có diện tích: 1.499,6 m², tổng có 4 cán bộ trong đó (01 bác sỹ đa khoa, 2 y sỹ đa khoa, 01 điều dưỡng).

- Xã Hoàng Thái đã được công nhận xã an toàn thực phẩm năm 2020 tại Quyết định số 2604/QĐ-UBND, ngày 06/7/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Số trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi; Năm 2019 là 20/546 cháu = 3,66%; Năm 2020 là 16/534 cháu = 2,99%. Năm 2021 là 12/534 cháu = 2,21%. Hàng năm giảm trên 0,5% đạt theo tiêu chí.

c) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

12. Tiêu chí số 12: Văn hóa.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định (theo yêu cầu $\geq 90\%$).

- Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hiện nay tất cả 5/5 thôn sau khi sáp nhập đều được công nhận thôn văn hóa 3 năm liên tục chiếm tỷ lệ 100%.

- Xã Hoàng Thái được công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” tại Quyết định số 7000/QĐ- UBND, ngày 22 tháng 10 năm 2018.

c) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

13. Tiêu chí số 13: Môi trường và An toàn thực phẩm.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung và: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100% ,tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 100% .

-Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

-Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có) được bao quanh bằng hàng rào cây xanh.

- Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt từ 80% trở lên.

- Các hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch theo quy định đạt từ 90% trở lên.

- Tỷ lệ các hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt từ 80% trở lên.

- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 60% trở lên.

- Tỷ lệ số tuyến đường được trồng hoa, trồng cây bóng mát đạt từ 40% trở lên.

- Có mô hình bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch trên địa bàn là 1.056/1.056 hộ bằng 100%.

- Trên địa bàn xã có 66 hộ gia đình tham gia sản xuất, kinh doanh gồm các loại hình như:

+ Có 02 hộ gia đình giết mổ gia súc;

+ Có 05 cơ sở, hộ gia đình kinh doanh dịch vụ ăn uống;

+ Có 33 cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng tạp hóa

+ 25 hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm

+ 01 Trạm y tế xã

Tất cả các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn đều tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường đạt tỷ lệ 100%.

Xã Hoàng Thái đạt chuẩn ATTP năm 2020 tại Quyết định số 2604/QĐ-UBND, ngày 06/7/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Đối với rác thải sinh hoạt khu dân cư: trên địa bàn xã không có bãi rác tập trung mà xử lý bằng hình thức hợp đồng với công ty TNHH dịch vụ môi trường Hoàng Anhthu gom rác thải tập trung và vận chuyển đưa đi xử lý đạt 100%.

- Công tác thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt:

+ Khối lượng chất thải sinh hoạt được thu gom bình quân 1 ngày là 3,2 tấn rác thải.

+ Thu gom tại từng hộ gia đình.

+ Rác thải sinh hoạt được thu gom bằng xe thu gom đến thu gom vận chuyển đi xử lý.

+ Phương thức xử lý chất thải: Chất thải hữu cơ được xử lý ngay tại hộ gia đình; chất thải vô cơ được vận chuyển bằng xe thu gom vận chuyển đến bãi rác tập trung của công ty để xử lý.

- Các hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch theo quy định đạt từ 90% trở lên.

+ Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh là 1.056 hộ / 1.056 hộ = 100 %

+ Số hộ có nhà tắm hợp vệ sinh là 1.056 hộ / 1.056 hộ = 100 %

+ Số hộ có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 1.056 hộ / 1.056 hộ = 100 %

- Tỷ lệ các hộ chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, có hệ thống xử lý chất thải, nước thải đảm bảo, có chuồng trại khô ráo thoáng mát, thường xuyên vệ sinh chuồng trại không để các chất thải bị ứ đọng và có mùi hôi thối ảnh hưởng đến môi trường xung quanh là 24hộ/25 hộ = 96 %.

- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt trên địa bàn được phân loại tại nguồn và xử lý bằng các biện pháp phù hợp là 750/1.056 hộ bằng 71,02%.

Rác thải sau khi được phân loại là rác thải hữu cơ được sử dụng làm phân bón cho cây trồng; rác thải vô cơ là các túi nilon và các loại không tái chế; rác thải rắn không tái chế và không đốt được thu gom để vận chuyển xử lý đến bãi rác thải tập trung của huyện để xử lý theo đúng định.

- Tỷ lệ số tuyến đường được trồng hoa, trồng cây bóng mát:

+ Hàng năm đều phát động tết trồng cây tại các thôn, nhà trường và trạm y tế; UBND xã xây dựng kế hoạch số 09/KH – UBND ngày 15/01/2020 triển khai xây dựng “ mô hình phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình” trên địa bàn xã giai đoạn 2020 - 2025. Thành lập Ban chỉ đạo và xây dựng Quy chế hoạt động của BCD thực hiện mô hình; phân công cụ thể từng thành viên Ban chỉ đạo, cán bộ, công chức các thành viên có liên quan. Chỉ đạo cán bộ, công chức chuyên môn được phân công phụ trách các thôn tổ chức tổng dọn vệ sinh tại các tổ cụm dân cư; hàng tuần tổng vệ sinh môi trường, khơi thông cống rãnh thoát nước, cải tạo ao, hồ, nạo vét kênh mương, phát quang bụi rậm nhằm tạo không gian, cảnh quan sinh thái và điều hoà môi trường không khí tại địa phương trong các dịp lễ tết, các đợt cao điểm, các kế hoạch hướng dẫn của cấp trên.

+ Tổng số km đường giao thông trong khu dân cư của địa bàn xã là: 12,45 km gồm 61 tuyến. Trong đó tổng số tuyến được trồng hoa là: 37 tuyến với tổng chiều dài 7,464 km. Tỷ lệ số km được trồng hoa là : $7,464 \text{ km} / 12,45 \text{ km} = 60 \%$.

+ Đường làng ngõ xóm đã được bê tông hoá, có hệ thống mương thoát nước mưa hai bên, không để xảy ra tình trạng lầy lội, ngập úng;

+ Các thôn có hương ước về giữ gìn vệ sinh môi trường chung được quy định thời gian tổng vệ sinh hàng tuần; mỗi hộ gia đình có thùng đựng rác bằng nhựa để thu gom, phân loại rác thải theo lịch.

+ Tập trung làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ môi trường theo Luật số 55/2014/QH 13 ngày 23/6/2014 của Quốc hội bằng nhiều hình thức tuyên truyền như: tin bài về tìm hiểu Luật bảo vệ môi trường trên hệ thống loa truyền thanh của xã, thôn xóm, tuyên truyền bằng khẩu hiệu, pano, áp phích. Giao cho Công chức Văn hóa – XH phối hợp cùng Cán bộ Đài truyền thanh xã thường xuyên có tin bài, có chuyên mục về bảo vệ môi trường để tuyên truyền cho nhân dân hiểu và thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân xã phối hợp với các đoàn thể tổ chức tuyên truyền về Luật Bảo vệ môi trường, Luật An toàn thực phẩm thông qua các buổi sinh hoạt, các câu lạc bộ liên thể hệ...

+ Tuyên truyền thông qua việc cam kết “Bảo vệ môi trường” giữa chính quyền với MTTQ, các ngành đoàn thể, cam kết giữa các ngành đoàn thể đến gia đình hội viên đoàn viên, cam kết của các thôn đến từng hộ nông dân.

+ Trong các hội nghị nhân dân và các hội nghị của các tổ chức đoàn thể thường được lồng ghép đến công tác bảo vệ môi trường để đưa ra cho hội viên và nhân dân tự đấu tranh những hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

- Xã có mô hình hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự quan tâm

Công tác giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn toàn xã luôn luôn được chú trọng, các thôn có hương ước về giữ gìn vệ sinh chung, quy định lịch tổng vệ sinh đường làng, ngõ xóm ít nhất 01 tuần 01 lần tổ chức tổng dọn vệ sinh đường làng ngõ xóm, khơi thông cống rãnh và xử lý rác thải nơi công cộng theo các cụm dân cư đã phát huy được tính tập thể người dân cùng tham gia. Từ năm 2019 xã Hoàng Thái đã thành lập 5 câu lạc bộ vệ sinh môi trường trên 5 thôn, thúc đẩy công tác vệ sinh môi trường, cũng như hoạt động phân loại xử lý rác thải tại nguồn được có hiệu quả, và triển khai rộng rãi trong nhân dân.

- Xã xây dựng thành công mô hình “ Phân loại, xử lý rác thải hữu cơ thành phân bón tại hộ gia đình ” giai đoạn 2020 - 2025.

MTTQ, các ngành đoàn thể phát động hội viên, đoàn viên, nhà nhà thi đua, người người thi đua và xác định đây là nhiệm vụ chính trị phải phát động thường xuyên, liên tục trong tổ chức và thực hiện nhiệm vụ đã đưa vào nội dung chương trình tháng, quý và năm.

c) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

14. Tiêu chí số 14: An ninh trật tự.

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Tỷ lệ khu dân cư được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” từ 90% trở lên; ANTT được đảm bảo; nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; có các mô hình tự quản liên kết bảo vệ ANTT hoạt động thường xuyên, hiệu quả; trong 3 năm liền kề năm được xét công nhận, có 01 năm được tặng bằng khen về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Không có người chấp hành xong án phạt tù và đặc xá cư trú tại địa bàn tái phạm tội bị khởi tố; không để xảy ra hoạt động tội phạm có tổ chức, tội phạm về ma túy, kinh tế, môi trường phức tạp kéo dài, chậm bị phát hiện.

- Lực lượng công an xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh, trong 3 năm liền kề năm xét công nhận ít nhất có 01 năm đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tỷ lệ khu dân cư được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” trên địa bàn xã là 5/5 thôn và 3 cơ quan trường học được công nhận tiêu chuẩn về an ninh trật tự bằng 100%.

- Không có người chấp hành xong án phạt tù và đặc xá tại địa bàn tái phạm tội bị khởi tố không để xảy ra hoạt động tội phạm có tổ chức, tội phạm về ma túy, kinh tế, môi trường phức tạp kéo dài, chậm bị phát hiện.

- Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Hoàng Thái được tặng bằng khen “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác quốc phòng- an ninh năm 2018” tại Quyết định số 4995/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Lực lượng công an xã Hoàng Thái được công nhận “Đơn vị quyết thắng” năm tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

c) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

15. Tiêu chí số 15: Hành chính công.

a) Yêu cầu tiêu chí:

Thực hiện tốt yêu cầu cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

-Xã đã niêm yết 194/1984TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã trên bảng treo tường và trên trang điện tử của xã tại địa chỉ: hoangthai.hoanghoa.thanhhoa.gov.vn

Qua báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm 2019, năm 2020 thì 100% TTHC của xã đều được thực hiện qua Bộ phận Một cửa của xã và giải quyết đúng hạn theo quy định. Xã Hoàng Thái đã ban hành Quy chế hoạt động bộ phận Một cửa và kiện toàn lại bộ phận này phù hợp với quy định của NĐ 61/2018/NĐ – CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ. Hệ thống phần mềm một cửa điện tử trong tiếp nhận, giải quyết TTHC đã được xã triển khai vận hành từ ngày 15/5/2020 theo kế hoạch chung của tỉnh.

Trong 2 năm liên tục trước năm xét công nhận xã nông thôn mới nâng cao, kết quả giải quyết TTHC của xã đạt tối thiểu từ 100% được giải quyết đúng hoặc sớm hơn thời gian quy định, không có kết quả giải quyết TTHC phải sửa đổi, bổ sung, bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện và không có phản ánh kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết TTHC, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo: Theo báo cáo kết quả kiểm soát TTHC năm 2019 năm 2020 và quý I, II năm 2021 tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn của xã đạt 100%, không có hồ sơ quá hạn; không có phản ánh kiến nghị nào về TTHC. Tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Thái, trong hai năm 2019, 2020 thực hiện giải quyết TTHC đều đảm bảo 100% được trả đúng hạn, không có hồ sơ quá hạn, năm 2019 hồ sơ giải quyết đúng hạn là 1776 hồ sơ, năm 2020 là 2467 hồ sơ).

Thực hiện đúng theo quy định việc xin lỗi tổ chức, cá nhân khi có vi phạm trong giải quyết TTHC theo Quyết định số: 876/QĐ - UBND ngày 27/3/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa: Do không có hồ sơ chậm hạn, không có phản ánh kiến nghị nào nên xã không có văn bản xin lỗi và thực hiện báo cáo đầy đủ nội dung này cho UBND huyện để tổng hợp báo cáo Sở Nội vụ, UBND tỉnh.

c) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

V. NỢ ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ BẢN.

Đến nay, xã không còn nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM nâng cao, đối chiếu với quy định tại Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh, xã đạt yêu cầu về nội dung này.

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã làm được

Trong 3 năm qua kể từ thời gian xã được công nhận xã nông thôn mới, với sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng NTM nâng cao xã Hoàng Thái đã làm thay đổi toàn diện về tình hình kinh tế xã hội trên địa bàn; nhận thức của người dân về xây dựng NTM trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn được nâng lên; thu nhập bình quân đầu người tăng khá; giáo dục, y tế, văn hoá được phát triển theo hướng chuẩn hóa và xã hội hoá; công tác bảo vệ môi trường có sự chuyển biến rõ nét, cảnh quan nông thôn sáng- xanh- sạch- đẹp; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Qua thời gian thực hiện chương trình xây dựng NTM nâng cao, tuy đã đạt được các mục tiêu đề ra, nhưng trong quá trình tổ chức, chỉ đạo thực hiện còn bộc lộ một số hạn chế đó là:

- Một số thành viên ban chỉ đạo, Ban quản lý chưa thực sự nhiệt tình trong công tác chỉ đạo điều hành, còn có tư tưởng xem nhẹ thiếu tâm huyết; các Ban phát triển thôn hoạt động chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

- Công tác tuyên truyền về xây dựng NTM ở một số thôn chưa được chú trọng, một bộ phận người dân chưa hiểu được trách nhiệm và vai trò của mình trong nhiệm vụ XD NTM nâng cao.

- Việc huy động thu hút nguồn vốn đầu tư của các đơn vị doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cho chương trình xây dựng NTM nâng cao còn hạn chế.

**Nguyên nhân của những hạn chế khuyết điểm đó là:*

Chương trình xây dựng NTM nâng cao là một nhiệm vụ lớn, mới và khó, trong khi tiềm lực của địa phương không cao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện một số cán bộ chưa phát huy tính sáng tạo, thiếu linh hoạt và chủ động trong công việc.

3. Sự hài lòng của người dân

Từ những kết quả đó, sau khi MTTQ tổ chức lấy phiếu đánh giá sự hài lòng của người dân đối với công tác xây dựng NTM nâng cao, hầu hết nhân dân đều hài lòng, phấn khởi với tỷ lệ hài lòng bình quân các tiêu chí đạt %.

4. Bài học kinh nghiệm

Từ những thực tiễn công việc trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao địa phương rút ra một số kinh nghiệm như sau:

Một là, cần phải làm tốt công tác tuyên truyền, vận động để nâng cao nhận thức của nhân dân về nội dung, ý nghĩa của xây dựng NTM nâng cao. Phát động tốt các phong trào thi đua, đặc biệt là phong trào xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, tạo thành phong trào sâu rộng trên địa bàn; khen thưởng kịp thời đối với những cá nhân, tập thể tiêu biểu để nhân rộng. Trong đó có bài học xuyên suốt là *"Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân đóng góp, dân hưởng thụ"*.

Hai là, Người đứng đầu cấp uỷ chính quyền phải luôn đặt lợi ích của nhân dân, của tập thể làm trọng, coi lợi ích của nhân dân là gốc của mọi vấn đề và chịu trách nhiệm về toàn bộ công việc mình lãnh đạo, không đùn đẩy, trốn tránh trách nhiệm. Tập trung quyết liệt để chỉ đạo phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, vừa tạo khí thế phấn khởi cho nhân dân, vừa nuôi dưỡng sức dân, vừa được lòng tin của nhân dân. Từ đó khơi dậy và phát huy tốt vai trò chủ thể của nhân dân, là nhân tố quyết định thành công trong thực hiện chương trình xây dựng NTM nâng cao.

Ba là, trong thực hiện nhiệm vụ, nhất là xây dựng nông thôn mới nâng cao cần phải có chương trình, kế hoạch cụ thể, phân công nhiệm vụ rõ ràng, có cách làm chủ động, sáng tạo, phù hợp với điều kiện đặc điểm của từng thôn, xã, không dập khuôn, máy móc, nhưng phải theo các quy định để định hướng hành động và là thước đo để đánh giá kết quả. Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm để tập trung quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện với quyết tâm cao; huy động nguồn lực đa dạng nhất là trong xây dựng hạ tầng. Trong thực hiện công việc, cán bộ, đảng viên phải luôn là người tiên phong, nêu gương, đổi mới phong cách làm việc hiệu quả nhất...

Bốn là, Phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực, thực hiện tốt công tác xã hội hóa trong huy động nguồn lực, huy động tối đa nguồn lực cộng đồng dân cư, tranh thủ sự hỗ trợ của các doanh nghiệp, nhà hảo tâm, con em xã quê... để chung tay góp sức xây dựng NTM.

Khai thác tốt nguồn thu tại địa phương, với phương châm *"lấy sức dân để lo cho dân"* tạo nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi xã hội.

VII. KẾ HOẠCH DUY TRÌ CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI, XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO VÀ PHÂN ĐÁU XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU.

1. Quan điểm

Xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao vượt bậc đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị.

Xác định quá trình xây dựng NTM là quá trình thường xuyên, liên tục, có điểm khởi đầu, không có điểm dừng; tập trung duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt, hướng đến xây dựng NTM kiểu mẫu, để chương trình xây dựng NTM ngày càng đi vào chiều sâu, bền vững.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát.

- Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được của NTM và NTM nâng cao. Từng bước xây dựng hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh được đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị trong tương lai gần; phát triển kinh tế, đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao.

- Phát triển nông thôn theo quy hoạch, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ và thương mại; bản sắc văn hóa được bảo tồn, phát huy; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái xanh - sạch - đẹp; chất lượng hệ thống chính trị được nâng cao; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

b) Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2021-2025.

- Đường giao thông nông thôn được thảm nhựa, hệ thống rãnh thoát nước có nắp đậy, điện chiếu sáng, cây xanh đồng bộ trong khu dân cư.

- 5/5 thôn đạt khu dân cư NTM kiểu mẫu. Phân đấu xây dựng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu đến năm 2022;

- Đến năm 2025 xã không có hộ nghèo trừ hộ nghèo bảo trợ xã hội.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 62,0 triệu đồng/người

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 95% trở lên.

3. Nhiệm vụ

Tiếp tục nâng cao chất lượng đã đạt, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và huy động các nguồn lực trong nhân dân để xây dựng đạt chuẩn NTM nâng cao.

Tập trung rà soát, điều hành, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển cho phù hợp, công khai rộng rãi trong nhân dân, trên cơ sở vận động nhân dân tiếp tục đầu tư phát triển ở địa phương.

Không ngừng đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật để phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng thu nhập, giải quyết việc làm tại địa phương, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Duy trì xây dựng các tổ chức, đoàn thể trong hệ thống chính trị vững mạnh, giữ vững tình hình an ninh, chính trị trật tự an toàn xã hội, đảm bảo tốt công tác quốc phòng, an ninh ở địa phương.

Để nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng NTM nâng cao, cán bộ, nhân dân rất mong được sự quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ kinh phí của tỉnh, huyện; sự động viên, chia sẻ của con em xa quê, các doanh nghiệp trên địa bàn địa phương để tiếp tục xây dựng NTM kiểu mẫu.

Phát huy kết quả đạt được, đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong xã Hoàng Thái tiếp tục nỗ lực, phấn đấu đoàn kết thống nhất xây dựng địa phương ngày càng phát triển; đời sống nhân dân ngày càng giàu có, hạnh phúc; xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Nơi nhận:

- Văn phòng điều phối NTM tỉnh (B/c);
- BCD huyện (B/c);
- UBND huyện (B/c);
- Văn phòng điều phối NTM huyện (B/c);
- TT: Đảng ủy; HĐND xã (B/c);
- Lưu: VT, BCD xã.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Hữu Vui

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
Xã Hoàng Thái, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa**

(Kèm theo Báo cáo số: 67/BC-UBND ngày 23 / 8/2021 của UBND xã Hoàng Thái.)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả mức độ nâng cao so với thời điểm đạt chuẩn NTM
I	HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI					
1	Giao thông	<p>1.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện chiều rộng nền đường tối thiểu 6,5m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 4,5m được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.</p> <p>1.2. Đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0 m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.</p> <p>1.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa, chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m (trường hợp bất khả kháng nền đường tối thiểu 3,0m, mặt đường tối thiểu 2,0m); Với đường dân sinh chủ yếu phục vụ đi lại của người dân giữa các cụm dân cư và các hộ gia đình không có ô-tô chạy nền đường tối thiểu 2,0m, mặt đường tối thiểu 1,5m.</p>	100%	1,5/1,5 km Tỷ lệ 100 %	Đạt	Mở rộng đường đạt 7,5 m, xây rãnh thoát nước, vỉa hè, trồng hoa, cây bóng mát
			100% (≥80% cứng hóa)	100% (100% cứng hóa)	Đạt	Mở rộng mặt đường xây rãnh thoát nước, trồng hoa, cây bóng mát
			100% (≥80% cứng hóa)	100% (≥92,2% cứng hóa)	Đạt	Mở rộng mặt đường xây rãnh thoát nước, trồng hoa, cây bóng mát

		1.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m.	100% ($\geq 70\%$ cứng hóa)	100% ($\geq 80,8\%$ cứng hóa)	Đạt	
		1.5. Các đoạn đường trục xã và trục thôn trong khu dân cư có rãnh tiêu thoát nước mặt đường.	$\geq 50\%$	10,36/12,45 km = 83,2%.	Đạt	
2	Thủy lợi	2.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động không nhỏ hơn năm trước liền kề.	Đạt	Đạt	Đạt	
		2.2. Đối với kế hoạch phòng, chống thiên tai đảm bảo các nội dung: Bố trí kho vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai; Bản đồ vị trí kho vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai; lập phương án di dân đối với dân cư sống trong vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ, lụt, sạt lở đất...; quy định cụ thể về chuẩn bị điều kiện cần thiết đối với các hộ dân khi phải di dời.	Đạt	Đạt	Đạt	
		2.3. Quản lý và bảo vệ công trình phòng chống thiên tai: Không đổ rác lên mái đê, hành lang bảo vệ đê, bãi sông; không có vi phạm pháp luật về đê điều và PCLB theo quy định của Luật Đê điều và Luật PCTT.	Đạt	Đạt	Đạt	
3	Cơ sở vật chất văn hóa	Đảm bảo theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	$\geq 80\%$	100%	Đạt	
4	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng phải lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng tính tại thời điểm xã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn NTM.	Đạt	999/1.056 nhà Tỷ lệ 94,6%	Đạt	

II	KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT					
5	Thu nhập	5.1. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người).	Năm 2020 ≥ 48	56,80 triệu đồng/năm	Đạt	
		5.2. Tốc độ tăng Thu nhập bình quân đầu người hàng năm (tính từ năm được công nhận xã đạt chuẩn NTM đến năm đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao) từ 10% trở lên.	Đạt	10%	Đạt	
6	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều.	$\leq 2,5\%$	1,16% (không tính HN bảo trợ xã hội là 0,36%) Đạt	Đạt	
7	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	$\geq 94\%$	2.101/2.134 người, =98,45%.	Đạt	
8	Tổ chức sản xuất	8.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 và có hiệu quả.	Đạt	Đạt	Đạt	
		8.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch... của địa phương.	Đạt	Đạt	Đạt	
		8.3. Tỷ lệ diện tích cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất đối với các cây trồng chủ lực.	$\geq 75\%$	88,1%	Đạt	
9	Vườn hộ	9.1. Có ít nhất 30% vườn hộ có hệ thống tưới, tiêu khoa học hoặc có áp dụng một trong các ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ tiên tiến khác vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến.	Đạt	Đạt	Đạt	
		9.2. Vườn hộ được quy hoạch khoa học, hiệu quả; sản phẩm hàng hóa đảm bảo an toàn vệ sinh thực	Đạt	Đạt	Đạt	

		phẩm. 9.3. Giá trị sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh chiếm tỷ lệ tối thiểu 75% tổng giá trị sản phẩm từ vườn.	Đạt	Đạt	Đạt	
III	VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
10	Giáo dục và Đào tạo	10.1. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3 theo Quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ.	Đạt	Đạt	Đạt	
		10.2. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.	$\geq 65\%$	1.536/2.101 lao động = 73,11%	Đạt	
11	Y tế	11.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	$\geq 91\%$	91,83%	Đạt	
		11.2. Triển khai thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh (trên người); tích cực triển khai các hoạt động giám sát, phát hiện, xử lý và báo cáo dịch kịp thời; không để dịch lớn xảy ra trên địa bàn xã.	Đạt	Đạt	Đạt	
		11.3. Triển khai hiệu quả các hoạt động an toàn thực phẩm; hàng năm trên địa bàn xã không xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm lớn, đông người (từ 30 người trở lên).	Đạt	Đạt	Đạt	
		11.4. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) năm sau thấp hơn năm trước 0,5% trở lên.	Đạt	Đạt	Đạt	
12	Văn hóa	12.1. Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định.	$\geq 90\%$	100%	Đạt	
		12.2. Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới.	Đạt	Đạt	Đạt	

13	Môi trường và an toàn thực phẩm	13.1. Xã có hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung và Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.	Đạt 100% (100% nước sạch)	100%	Đạt	
		13.2. Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100%	65/65 hộ = 100%	Đạt	
		13.3. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có) được bao quanh bằng hàng rào cây xanh.	Đạt	Đạt	Đạt	
		13.4. Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo đúng quy định.	≥ 80%	100%	Đạt	
		13.5. Các hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch theo quy định.	≥ 90%	- Số hộ nhà tiêu HVS: 100%; - Số hộ nhà tắm HVS: 100%; - Số hộ có bể nước SH: 100%	Đạt	
		13.6. Tỷ lệ các hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	≥ 80%	24/25 hộ = 96,0 %.	Đạt	
		13.7. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp.	≥ 60%	750/1.056 hộ = 71,02%	Đạt	
		13.8. Tỷ lệ số tuyến đường được trồng hoa, trồng cây bóng mát.	≥ 40%	7,464 /12,45 km = 60%	Đạt	
		13.9. Mô hình bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng.	Có	Có	Đạt	
IV	AN NINH TRẬT TỰ - HÀNH CHÍNH CÔNG					
14	An ninh trật tự	14.1. Tỷ lệ khu dân cư được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” từ 90% trở lên; ANTT được đảm bảo; nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; có các mô hình tự quản liên kết	Đạt	Đạt	Đạt	

		bảo vệ ANTT hoạt động thường xuyên, hiệu quả; trong 3 năm liên kế năm được xét công nhận, có 01 năm được tặng bằng khen về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.				
		14.2. Không có người chấp hành xong án phạt tù và đặc xá cư trú tại địa bàn tái phạm tội bị khởi tố; không để xảy ra hoạt động tội phạm có tổ chức, tội phạm về ma túy, kinh tế, môi trường phức tạp kéo dài, chậm bị phát hiện.	Đạt	Đạt	Đạt	
		14.3. Lực lượng công an xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh, trong 3 năm liên kế năm xét công nhận ít nhất có 01 năm đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” trở lên.	Đạt	Đạt	Đạt	
15	Hành chính công	Thực hiện tốt yêu cầu cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định của pháp luật.	Đạt	Đạt	Đạt	